TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **59/**2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18-7-2024
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Hiền**.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Bé Nga**
2. Ông **Nguyễn Phước Thọ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Minh Thư** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà **Trần Hiền Diệu** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 261/2024/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị Q**, sinh năm 1993; Trú tại: Số A, ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (Có mặt)

- Bị đơn: Ông **Trần Trường G**, sinh năm 1987; Trú tại: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre (Có yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, tại phiên tòa, bà Đỗ Thị Q trình bày:

Bà Q và ông Trần Trường G kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2012. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu; sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung. Bà Q và ông G đã tìm nhiều cách để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả và đã sống ly thân từ năm 2023 đến nay. Do không còn tình cảm với ông G nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Trần Trường G, không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Bà Q yêu cầu nuôi 02 con chung tên Trần Ngọc Tường V, sinh ngày 25/9/2013 và Trần Tiến Đ, sinh ngày 13/8/2018. Bà Q thay đổi yêu cầu về mức cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu ông Trần Trường G cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định pháp luật cho đến khi 02 con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc ngày 04/7/2024 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 04/7/2024 ông Trần Trường G trình bày:

Ông G đồng ý ly hôn với bà Q. Về con chung: Đồng ý để bà Q nuôi 02 con chung tên Trần Ngọc Tường V, sinh ngày 25/9/2013 và Trần Tiến Đ, sinh ngày 13/8/2018, không đồng ý cấp dưỡng nuôi con do hiện tại ông G đi làm thuê thu nhập không ổn định.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông G có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên không có lời trình bày tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, đương sự tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q đối với ông G, không cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn. Về con chung: Bà Q nuôi 02 con chung tên Trần Ngọc Tường V, sinh ngày 25/9/2013 và Trần Tiến Đ, sinh ngày 13/8/2018, buộc ông G cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận. Về nợ chung: Hai bên khai không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bị đơn ông Trần Trường G có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt ông G là phù hợp với Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Bị đơn ông Trần Trường G có nơi cư trú tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Q và ông G kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre vào năm 2012 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Q khởi kiện yêu cầu ly hôn và ông G đồng ý ly hôn với bà Q.

Ông G có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, bà Q cương quyết yêu cầu giải quyết ly hôn. Điều này cho thấy cả hai đã từ bỏ mối quan hệ hôn nhân này, không thể hiện mong muốn được đoàn tụ vợ chồng, việc hàn gắn tình cảm cho bà Q và ông G không có kết quả, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà Q và ông G đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Q đối với ông G là phù hợp quy định pháp luật. Bà Q, ông G tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về con chung: Bà Q và ông G có 02 con chung tên Trần Ngọc Tường V, sinh ngày 25/9/2013 và Trần Tiến Đ, sinh ngày 13/8/2018, hiện đang sống với bà Q. Ông G đồng ý để bà Q tiếp tục nuôi con chung và không đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của đứa trẻ. Tại biên bản ghi ý kiến con ngày 07/6/2024, cháu Tường V trình bày mong muốn được sống với bà Q nếu cha mẹ ly hôn, bà Q cũng yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung. Để đảm bảo việc phát triển bình thường về vật chất, tâm lý và tinh thần cũng như ổn định về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cho con chung nên giao Trần Ngọc Tường V, sinh ngày 25/9/2013 và Trần Tiến Đ, sinh ngày 13/8/2018 cho bà Đỗ Thị Q tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Q yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi 02 con chung theo quy định pháp luật. Ông G không đồng ý vì cho rằng hiện tại đang làm thuê thu nhập không ổn định, có bao nhiêu sẽ cho con bấy nhiêu. Tại biên bản xác minh ngày 04/7/2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thể hiện mức thu nhập trung bình ở địa phương vào khoảng 300.000 đồng/ngày. Để bảo bảo điều kiện nuôi con chung, xét thấy cần buộc ông Trần Trường G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với mức mỗi người con chung mỗi tháng là 1.200.000 đồng là phù hợp.

[5] Về tài sản chung: Bà Q, ông G khai tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

[6] Về nợ chung: Bà Q, ông G khai không có nên không xét đến.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà Q phải chịu theo quy định.

[8] Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông G phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đỗ Thị Q đối với ông Trần Trường G. Bà Đỗ Thị Q được ly hôn với ông Trần Trường G. Quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Q và ông Trần Trường G chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ghi nhận bà Đỗ Thị Q, ông Trần Trường G không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Bà Đỗ Thị Q được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Trần Ngọc Tường V, sinh ngày 25/9/2013 và Trần Tiến Đ, sinh ngày 13/8/2018. Ông Trần Trường G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con chung mỗi tháng là 1.200.000 (một triệu hai trăm nghìn) đồng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi.

Ông Trần Trường G được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên hoặc cơ quan tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Đỗ Thị Q, ông Trần Trường G khai tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

4. Về nợ chung: Bà Đỗ Thị Q, ông Trần Trường G khai không có nên không xét đến.

5. Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đỗ Thị Q phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0000471 ngày 08/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Bà Đỗ Thị Q đã nộp xong án phí.

6. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Trần Trường G phải chịu là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

7. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án

dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Đương sự;
- UBND xã Phú Túc;
- Lưu: HS vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Minh Hiền